

Vĩnh Sơn 4	Mức nước (H, m)									
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)									
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)									
Vĩnh Sơn 5	Mức nước (H, m)					153.60	154.00	154.45	154.75	154.80
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)					9.89	9.58	9.14	8.67	9.04
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)					6.89	5.58	5.14	6.67	9.04
Trà Xom 1	Mức nước (H, m)	652.96	952.97	952.98	652.97	652.95	653.00	653.00	653.00	653.00
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)	1.30	1.30	1.20	1.00	0.98	0.91	0.81	0.70	0.59
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Định Bình	Mức nước (H, m)				69.01	69.04	69.05	69.05	69.04	69.04
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				18.00	17.88	16.18	15.18	16.01	18.05
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				7.00	16.00	16.00	16.00	18.00	18.00
Núi Một	Mức nước (H, m)				37.13	37.10	37.10	37.10	37.10	37.15
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				1.76	1.79	1.77	1.75	1.72	1.69
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Thuận Ninh	Mức nước (H, m)				60.46	60.45	60.45	60.45	60.45	60.50
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				0.94	0.93	0.90	0.87	0.82	0.78
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Văn Phong	Mức nước (H, m)				24.79	24.70	24.70	24.70	24.70	24.70
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				49.49	48.27	47.72	47.01	48.20	49.21
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				49.32	49.00	48.00	48.50	48.50	48.50

II - Hiện trạng công trình

1) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn A tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 766.96 m
- Lưu lượng đến hồ: 1.06 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

2) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn B tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 816.22 m
- Lưu lượng đến hồ: 1.32 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

3) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn C tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 972.34 m
- Lưu lượng đến hồ: 1.28 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

4) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn 4 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: m
- Lưu lượng đến hồ: m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

5) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn 5 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 0.00 m
- Lưu lượng đến hồ: m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

6) Hồ chứa thủy điện Trà Xom 1 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 652.97 m
- Lưu lượng đến hồ: 1.00 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

7) Hồ chứa thủy điện Định Bình tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 69.01 m
- Lưu lượng đến hồ: 18.00 m³/s

- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

8) Hồ chứa thủy điện Núi Một tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 37.13 m
- Lưu lượng đến hồ: 1.76 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

9) Hồ chứa thủy điện Thuận Ninh tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 60.46 m
- Lưu lượng đến hồ: 0.94 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

10) Hồ chứa thủy điện Văn Phong tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 24.79 m
- Lưu lượng đến hồ: m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa